

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KGVX

Lạng Sơn, ngày tháng 7 năm 2023

V/v khung đề xuất thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc
gia giảm nghèo bền vững giai
đoạn 2026 - 2030

Kính gửi: Bộ Y tế.

Thực hiện Công văn số 4159/BYT-BM-TE ngày 04/7/2023 của Bộ Y tế về việc đề xuất nội dung hoạt động và kinh phí giai đoạn 2026 - 2030 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, UBND tỉnh Lạng Sơn xây dựng khung đề xuất thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (lĩnh vực Y tế) giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

I. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Trẻ em ngày 05/4/2016;
- Nghị Quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;
- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương hành động thực hiện nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới;
- Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;
- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;
- Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 12/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;
- Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;
- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 721/QĐ-BYT ngày 23/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch của Bộ Y tế triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

2. Cở sở thực tiễn

- Theo Quyết định số 353/QĐ-TTg, trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có 02 huyện nghèo: Văn Quan và Bình Gia;

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 trên toàn tỉnh: tỷ lệ nghèo đa chiều (gồm tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo) 19,29%; tỷ lệ hộ nghèo giảm 3,28% so với năm 2021 (từ 12,20% xuống còn 8,92%); tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 1,71% so với năm 2021 (từ 12,07% xuống còn 10,36%)¹.

- Qua thực tiễn giám sát triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, hiện nay mạng lưới cán bộ chuyên trách dinh dưỡng cấp huyện, xã chưa được đào tạo một cách có hệ thống cơ bản về dinh dưỡng, cán bộ phụ trách chương trình dinh dưỡng hầu hết là cán bộ kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ; đội ngũ cộng tác viên dinh dưỡng (CTVDD) là người thực hiện nhiều hoạt động trực tiếp với các đối tượng tại cộng đồng thiếu kiến thức và kỹ năng truyền thông, thiếu sự nhiệt tình năng động trong công tác do nguồn phụ cấp còn hạn chế;

- Nhận thức, thực hành dinh dưỡng (DD) chưa hợp lý còn phổ biến ở các bà mẹ và các thành viên trong gia đình, đặc biệt là vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; việc thực hiện vệ sinh, an toàn thực phẩm ở nhiều nơi còn chưa tốt đã ảnh hưởng đến chất lượng DD của người dân; kinh tế của một bộ phận người dân vùng sâu vùng xa, vùng khó khăn còn thiếu thốn do vậy ảnh hưởng lớn đến việc chăm sóc trẻ;

- Trong những năm gần đây, mặc dù tỉnh đã triển khai các giải pháp can thiệp một cách cần thiết và hợp lý nhằm đảm bảo thực hiện các mục tiêu đề ra. Hầu hết các mục tiêu được đề cập trong Chiến lược DD của tỉnh đều đạt tiến độ đáng kể, cải thiện tình trạng DD của bà mẹ và trẻ em tỷ lệ suy DD ở trẻ em dưới 5 tuổi của tỉnh giảm. Tuy nhiên, tỷ lệ suy DD thể thấp còi còn cao {suy DD thể nhẹ cân (năm 2018 là 17,7%, năm 2020 tỷ lệ là 16,4%); suy DD thể thấp còi (năm 2018 là 25,6%, năm 2020 tỷ lệ là 23,1)}. Mặt khác đang có xu hướng gia tăng các bệnh mạn tính không lây nhiễm liên quan đến DD. Đặc biệt với đặc thù

¹ Theo báo cáo số 668/BC-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

là tỉnh miền núi, biên giới, tình trạng suy DD trẻ em có sự khác biệt giữa vùng thành thị với vùng núi, vùng đặc biệt khó khăn vẫn còn cao (bao gồm suy DD thể nhẹ cân và suy DD thể thấp còi); kinh phí, vật tư, trang thiết bị đầu tư cho DD còn hạn chế, chưa đảm bảo cho các hoạt động triển khai tại tuyến tỉnh, huyện, xã.

Nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu về công tác DD tại Quyết định số 02/QĐ-TTg và Nghị quyết số 20-NQ/TW cần thiết phải tiếp tục thực hiện các giải pháp can thiệp cụ thể của Chương trình DD trong giai đoạn tới (2026 - 2030). Đặc biệt là việc tiếp tục cải thiện tình trạng thiếu vi chất DD ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn là hết sức cần thiết nhằm giảm tỷ lệ suy DD thấp còi, hướng tới phát triển toàn diện về tầm vóc, thể chất, trí tuệ, tăng cường sức khỏe cho Nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn nói riêng và hướng tới phát triển toàn diện về tầm vóc, thể chất, trí tuệ của người Việt Nam.

II. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT

A. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng DD và giảm suy DD thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- **Mục tiêu cụ thể 1:** hạ xuống mức thấp các thể thiếu DD ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, các chỉ tiêu đến năm 2030:

a) Giảm tỷ lệ suy DD trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn xuống dưới 23%.

b) Giảm tỷ lệ suy DD trẻ em dưới 5 tuổi thể gầy còm sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn xuống dưới 3%.

c) Giảm tỷ lệ suy DD trẻ học đường từ trên 5 - 16 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn xuống dưới 23%.

2.2. Mục tiêu cụ thể 2: cải thiện tình trạng thiếu vi chất DD ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, các chỉ tiêu đến 2030:

a) Trên 85% trẻ em dưới 16 tuổi suy DD thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được bổ sung đa vi chất DD.

b) Trên 85% phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn được cung cấp miễn phí viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh.

c) Giảm tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn lần lượt xuống dưới 10% và dưới 25%.

d) Giảm tỷ lệ thiếu kẽm ở trẻ em dưới 5 tuổi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn xuống dưới 50%.

2.3. Mục tiêu cụ thể 3: bảo đảm ứng phó về phòng, chống suy DD trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, các chỉ tiêu đến năm 2025:

a) Tăng tỷ lệ trẻ em 6 - 23 tháng tuổi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn ăn bổ sung đúng, đủ lên 60%.

b) Tỷ lệ hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm DD trong tình huống khẩn cấp trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn đạt trên 90%.

B. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng

- Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn toàn tỉnh;

- Trẻ em dưới 16 tuổi, phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn.

2. Phạm vi thực hiện

Thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, trọng tâm là các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn.

C. NỘI DUNG CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỀ XUẤT

1. Hoạt động can thiệp phòng chống suy DD, thiếu vi chất DD cho bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em 0 - 16 tuổi

1.1. Cung cấp các dịch vụ tư vấn DD cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 02 tuổi

- Tổ chức sàng lọc và đánh giá DD cho bà mẹ mang thai và trẻ em dưới 02 tuổi theo định kỳ tương ứng với từng thời điểm tiếp xúc. Theo dõi tăng trưởng của trẻ dưới 02 tuổi định kỳ 03 tháng/lần, trẻ suy DD dưới 05 tuổi hàng tháng.

- Tư vấn DD cho phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ dưới 02 tuổi về DD trong 1.000 ngày đầu đời.

1.2. Bổ sung vi chất DD cho các nhóm đối tượng

- Bổ sung vitamin A cho trẻ em từ 06 - 59 tháng tuổi.
- Bổ sung kẽm cho trẻ em < 05 tuổi bị tiêu chảy cấp.
- Bổ sung đa vi chất cho trẻ 06 tháng - 59 tháng tuổi bị suy DD thấp còi.
- Bổ sung đa vi chất cho trẻ em từ 05 tuổi đến 16 tuổi bị suy DD.
- Bổ sung sắt cho trẻ em gái vị thành niên.
- Bổ sung đa vi chất cho phụ nữ mang thai.

1.3. Phát hiện, điều trị và quản lý suy DD cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng

- Đối tượng: trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi được chẩn đoán suy DD cấp tính nặng.
- Phác đồ điều trị trẻ bị suy DD cấp tính nặng theo quy định hiện hành và các văn bản cập nhật của Bộ Y tế (nếu có).
- Tổ chức khám sàng lọc để phát hiện trẻ đưa vào Chương trình suy DD.
- Quản lý và điều trị trẻ bị suy DD cấp tính nặng tại cộng đồng.
- Tổ chức mua, quản lý cấp phát và sử dụng các sản phẩm DD theo qui định đúng hướng dẫn của Bộ Y tế.
- Tư vấn hướng dẫn DD cho bà mẹ/người chăm sóc và thăm hộ gia đình theo qui định của hướng dẫn của Bộ Y tế.

1.4. Tẩy giun định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ chuẩn bị mang thai

Số lượng cấp phát: trẻ em 02 đến dưới 06 tuổi, phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ chuẩn bị mang thai tẩy giun 02 lần/năm.

1.5. Lập kế hoạch và dự trữ nguồn sản phẩm DD cho việc ứng phó với ảnh hưởng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh đối với việc chăm sóc DD bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em

- Số lượng sản phẩm DD: theo nhu cầu thực tế của địa phương.
- Thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật chuẩn bị và ứng phó về DD trong tình huống khẩn cấp và các hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.
- Hàng năm, xây dựng được kế hoạch ứng phó về DD với khẩn cấp hoặc lồng ghép trong kế hoạch ứng phó về thiên tai thảm họa của tỉnh.
- Có kế hoạch sử dụng trang thiết bị, vật tư, thuốc, sản phẩm DD nếu không có tình huống khẩn cấp xảy ra một cách phù hợp, hiệu quả, tránh lãng phí.

1.6. Tăng cường chăm sóc DD cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp, thực hành DD tại trạm y tế xã, phường, thị trấn, thôn bản.

1.7. Tổ chức thực hiện bữa ăn đảm bảo DD và giáo dục DD cho học sinh.

1.8. Tư vấn về chăm sóc DD hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng, chống suy DD và thiếu vi chất DD tại trường học

Phối hợp giữa ngành Giáo dục và Y tế, lập kế hoạch và tập huấn cho cán bộ triển khai dự án về DD và hoạt động thể lực hợp lý, các kiến thức và kỹ năng cần thiết để triển khai hoạt động. Ngành Y tế tham gia với vai trò hướng dẫn chuyên môn và giám sát hoạt động. Ngành Giáo dục tổ chức các hình thức tư vấn phù hợp, lồng ghép với chăm sóc y tế học đường. Tạo điều kiện cơ sở vật chất để học sinh có thể thực hành DD và thể lực hợp lý.

1.9. Hướng dẫn, tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng DD của trẻ em dưới 16 tuổi hàng năm và định kỳ theo kế hoạch

Thực hiện theo hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế (tùy theo thực tế, có thể bao gồm: cân đo nhân trắc, xét nghiệm máu, phỏng vấn khẩu phần, chế độ ăn, thói quen tiêu thụ thực phẩm, phỏng vấn thông tin nhân khẩu học, tiền sử nuôi dưỡng, tiền sử bệnh tật...).

1.10. Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng DD của trẻ em cho cơ sở y tế tỉnh, huyện, xã, thôn bản và trường học, cung cấp các dụng cụ thực hành DD, vật tư y tế, thực phẩm bổ sung, tài liệu truyền thông, tài liệu chuyên môn để triển khai các hoạt động can thiệp tại cộng đồng

1.11. Tổ chức hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản, y tế trường học, giáo viên, cán bộ làm công tác DD ở trường học và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc DD bà mẹ và trẻ em

- Tập huấn cho cán bộ DD tuyến xã và thôn bản về hướng dẫn triển khai và các kỹ thuật chuyên môn triển khai hoạt động về DD.

- Tập huấn cho y tế trường học và giáo viên trường học tại các tuyến về hướng dẫn hỗ trợ triển khai hoạt động về DD tại trường học.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản, y tế trường học, giáo viên, cán bộ giảm nghèo, cán bộ nông nghiệp, phụ nữ về cải thiện chăm sóc DD phụ nữ, trẻ em 0 - 16 tuổi.

- Hàng năm, dựa trên nhu cầu thực tế đề xuất kế hoạch đào tạo, tổ chức đào tạo theo phương thức giảng viên trung ương tập huấn cho tuyến tỉnh/huyện, cán bộ tuyến tỉnh/huyện/xã/thôn, bản.

2. Hoạt động về truyền thông DD

- Biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng. Nhân bản, phát sóng, phát hành nội dung truyền thông bằng nhiều hình thức và nhiều kênh truyền thông, bao gồm truyền thông đại chúng, loa đài, báo giấy, tờ rơi, pano, internet, mạng xã hội, phần mềm công nghệ số.

- Tập huấn kỹ năng truyền thông cho cán bộ y tế và liên ngành làm công tác chăm sóc DD bà mẹ trẻ em cấp huyện/xã/thôn, bản theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến phù hợp với thực tế và tính chất nội dung đào tạo. Tổ chức các buổi truyền thông tại xã/ thôn, bản trong Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ, Tuần lễ DD và phát triển, Ngày vi chất dinh dưỡng, Ngày tiêm chủng theo điều kiện và kế hoạch của địa phương và dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế.

3. Hoạt động về kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá thực hiện

- Đơn vị tuyến tỉnh, huyện theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động DD tuyến xã và thôn, bản. Thực hiện giám sát theo kế hoạch hàng năm.

- Lập kế hoạch thu thập các thông tin để khảo sát, đánh giá lại và khảo sát, đánh giá cuối kỳ.

- Báo cáo về nguồn vốn được tiếp nhận, huy động các nguồn vốn hợp pháp và sử dụng cho Chương trình DD.

D. QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Triển khai thực hiện hoạt động cải thiện DD tại địa phương

1.1. Khảo sát, xác định hoạt động

- Xác định sự cần thiết, cơ sở pháp lý thực hiện hoạt động cải thiện DD trẻ em tại địa phương dựa trên các thông tin về đánh giá tình hình DD và y tế trên địa bàn, tầm quan trọng của DD với giảm nghèo bền vững, căn cứ trên các văn bản pháp lý của các cấp thẩm quyền ban hành có liên quan.

- Xác định phạm vi, quy mô, đối tượng của hoạt động.

- Phân tích, đánh giá các yếu tố liên quan đến tình trạng DD của trẻ em từ 0 - 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em tại các xã thuộc huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn để xác định và đề xuất mục tiêu, nội dung, kinh phí, giải pháp và tổ chức thực hiện hoạt động tại địa phương.

1.2. Xây dựng kế hoạch hoạt động tại địa phương

- Kế hoạch hàng năm và cả giai đoạn cho hoạt động hỗ trợ cải thiện DD phụ nữ và trẻ em là một phần trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn.

- Các hoạt động hỗ trợ cải thiện DD cho bà mẹ và trẻ em phải phù hợp với các quy hoạch, đề án, kế hoạch của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải có trong danh mục hoạt động của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Xây dựng kế hoạch hỗ trợ cải thiện DD cho bà mẹ và trẻ em phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước hằng năm, theo giai đoạn và dự kiến khả năng huy động các nguồn lực khác.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. UBND tỉnh

Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động cải thiện DD trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đúng đối tượng được hưởng lợi, đạt mục tiêu và hiệu quả, đúng quy định về nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các hoạt động cải thiện DD, truyền thông, nâng cao năng lực và giám sát đánh giá, cũng như bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác để thực hiện các hoạt động cải thiện DD. Chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hoạt động theo định kỳ, đột xuất.

2.2. Sở Y tế

Căn cứ vào tình hình DD và điều kiện thực tế của địa phương, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động về cải thiện DD trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ đạo, phối hợp với các đơn vị để triển khai các can thiệp nhằm cải thiện tình trạng DD theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Triển khai thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện hoạt động định kỳ, đột xuất.

2.3. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan

Tham gia triển khai nội dung Chương trình DD trong phạm vi và nội dung, nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực do sở, ban, ngành quản lý.

2.4. UBND các huyện, thành phố

Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện các hoạt động cải thiện DD trên địa bàn, bảo đảm đúng đối tượng được hưởng lợi, đạt mục tiêu và hiệu quả, đúng quy định về nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, nguồn ngân sách của địa phương đối ứng và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác để thực hiện các hoạt động cải thiện DD.

Đ. KINH PHÍ ĐỀ XUẤT

1. Dự kiến tổng nguồn vốn thực hiện nhiệm vụ cải thiện DD thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030 bao gồm vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác, trong đó:

- Ngân sách trung ương: **16.933.000.000 đồng** (*mười sáu tỷ chín trăm ba mươi ba triệu đồng chẵn*).

- Ngân sách địa phương: **640.000.000 đồng** (*sáu trăm bốn mươi triệu đồng chẵn*).

- Huy động các nguồn ngân sách hợp pháp khác: 0 đồng.

(*Chi tiết tại biểu đề xuất kinh phí kèm theo*).

2. UBND tỉnh có giải pháp huy động các nguồn lực hợp pháp khác để cùng với nguồn lực ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình bảo đảm hiệu quả.

3. Ngoài ra, các địa phương tăng cường huy động các nguồn lực hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, cộng đồng để tạo thêm nguồn lực thực

hiện Kế hoạch có hiệu quả.

4. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thực hiện theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

UBND tỉnh Lạng Sơn trân trọng đề nghị Bộ Y tế xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: YT, LĐTBXH, TC;
- UBND các huyện, thành phố;
- C, PCVP UBND tỉnh, các Phòng:
KG-VX, KT, TH, TT TT;
- Lưu: VT, KG-VX (NTB).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Xuân Huyền